

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26-9-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 19-9-2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 280/2024/QĐPH-ST ngày 20-9-2024, giữa các đương sự:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Anh **Lê Quang C**, sinh năm 1975. Quốc tịch: **Đ**. Hộ chiếu số C6ZM6FYJ1 do CHLB Đức cấp ngày 12-5-2015. Địa chỉ: **T R, CHLB Đ**.

- Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1989. CCCD số 001189044786 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10-5-2021. Nơi thường trú: **Đinh Tiên H, xã H, huyện T, Hà Nội. Hiện ở: Số A đường C, xã H, huyện T, Thành phố Hà Nội.**

Anh **C** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị **T** có mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

Anh **Lê Quang C** và chị **Trần Thị T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân Thành phố H. Sau khi kết hôn 02 tuần, anh **C** trở về Cộng hòa liên bang **Đ** sinh sống và làm việc. Từ khi kết hôn đến năm 2018, anh **C** chỉ về Việt Nam 04 lần. Từ năm 2018, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Do cuộc sống xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh chị đều nhận thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, còn tình cảm với nhau nữa nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Các đương sự đều xác định không có con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về lệ phí ly hôn: Chị **Trần Thị T** tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

#### **Tại phiên họp:**

Anh **Lê Quang C** có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang ở nước ngoài, không thể về Việt Nam và ủy quyền cho chị **Trần Thị T** nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Chị **Trần Thị T** có mặt, đồng ý nhận sự ủy quyền của anh **C** và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

*Về tố tụng:* Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự; người yêu cầu là anh **Lê Quang C** có quốc tịch nước ngoài (CHLB **Đ**), đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên họp.

*Về nội dung:* Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí, lệ phí: Ghi nhận việc chị **Trần Thị T** tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc có đương sự là anh **Lê Quang C** đang sinh sống và làm việc ở nước



ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người yêu cầu là anh **Lê Quang C** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đã có văn bản ủy quyền cho chị **Trần Thị T** nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh **Lê Quang C** và chị **Trần Thị T** đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân Thành phố H nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận: Sau khi kết hôn, anh **C** quay trở về Cộng hòa liên bang **D** sinh sống và làm việc, vài năm mới trở về Việt Nam một lần. Do cuộc sống xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2018, anh **C** và chị **T** không còn liên hệ với nhau nữa. Nay, anh **Lê Quang C** và chị **Trần Thị T** đều xác định: Vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh **Lê Quang C** và chị **Trần Thị T** đều xác định vợ chồng không có con chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh **Lê Quang C** và chị **Trần Thị T** đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ly hôn: Ghi nhận việc chị **Trần Thị T** tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370, Điều 371 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Lê Quang C** và chị **Trần Thị T**. Anh **Lê Quang C** và chị **Trần Thị T** chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh **Lê Quang C** và chị **Trần Thị T** đều xác định không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh **Lê Quang C** và chị **Trần Thị T** đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận việc chị **Trần Thị T** tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số 0023781 ngày 19-9-2024 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Chị **Trần Thị T** đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26-9-2024./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.Hà Nội;
- Cục THADS TP.Hà Nội;
- UBND TP.Hà Nội;
- Người yêu cầu;
- Lưu HSVÀ, VP.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Hoàng Chí Nguyễn**